TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Lương Công Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXX-ST ngày 07/9/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 126/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã B (N là xã B), huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Huỳnh Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn P, xã B, Tp ., tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Phan Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Huỳnh Văn H vào năm 2017 tại UBND xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, ban đầu chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 19/10/2016. Ở chung được khoảng 2 năm rồi xảy ra mâu thuẫn, lý do tính tình không hợp nhau, cách nhìn nhận và xử sự trong cuộc sống khác nhau, dẫn đến vợ chồng không có chung quan điểm, cuộc sống gia đình không hoà hợp, hạnh phúc. Hai vợ chồng không còn ở chung với nhau đã 04 năm nay. Do đó, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh năm 2016.

Từ khi cháu còn nhỏ đến nay đã ở với cha và ông bà nội tại Thôn P, xã B, thành phố T, Phú Yên. Sau khi ly hôn, chị Tiên đồng ý để cháu H1 cho cha là Huỳnh Văn H nuôi, tự thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn Huỳnh Văn H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/7/2023 tại Công an xã B, thành phố T, Phú Yên xác định anh Huỳnh Văn H có đăng ký thường trú tại Thôn P, xã B, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, anh H đi làm xa, không có mặt tại địa phương. Cháu H1 đang sinh sống cùng ông bà nội tại địa chỉ trên.

Quá trình làm việc, bị đơn Huỳnh Văn H nhận trực tiếp được giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không đến Toà làm việc. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải thì các đương sự vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn H, đồng ý giao con cho cha nuôi. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn H1, sinh ngày 19/10/2016 cho bị đơn H chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Phan Thị T yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Huỳnh Văn H có địa chỉ tại thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Huỳnh Văn H vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phan Thị T và bị đơn Huỳnh Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 02/6/2017, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày vợ chồng tính tình không hợp nhau, cách nhìn nhận và xử sự trong cuộc sống khác nhau, dẫn đến cuộc sống gia đình không hoà hợp, hạnh phúc, không ai quan tâm, chia sẻ với nhau, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn ký vào đơn xin thuận tình ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà, bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Xét hai bên đương sự nay trong quá trình xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn đã không còn ở với bị đơn đã 04 năm, về nhà mẹ đẻ ở Quảng Ngãi. Vợ chồng không còn trách nhiệm và tình thương cho nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Huỳnh Văn H1, sinh ngày 19/10/2016. Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2023 tại Công an xã B xác định cháu H1 có đăng ký thường trú và thực tế đang ở với ông bà nội tại địa chỉ thôn P, xã B, thành phố T. Xét bị đơn trong quá trình Toà án giải quyết đều nhận được hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có văn bản nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc khi ly hôn cháu H1 sẽ do bố nuôi, mức cấp dưỡng tự thoả thuận. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến bằng văn bản cũng như không đến Tòa trình bày về ý kiến nuôi con. Thực tế cháu H1 đang ở cùng với cha và gia đình ông bà nội của cháu nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu H1, Hội đồng xét xử xét giao cháu H1 cho bị đơn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có ý kiến gì về yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung*:* Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[8] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị T được ly hôn với bị đơn Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Văn H1, sinh ngày 19/10/2016 cho bị đơn Huỳnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0009816 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND xã Bình Kiến (số 29/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên